

PHÉP LỊCH SỰ TRONG TƯƠNG TÁC NGÔN NGỮ

Nguyễn Văn Lập

Trường Đại Học Khoa Học Xã hội & Nhân văn

(Bàì nhận ngày 24/04/1999)

TÓM TẮT : Trong thập niên vừa qua, người ta bắt đầu nói đến phép lịch sự (politeness) trong giao tiếp. Một số tác giả đã đưa ra các quan điểm khác nhau về phép lịch sự nói chung và phép lịch sự trong giao tiếp bằng ngôn ngữ như :

-Quan điểm "chuẩn mực xã hội" (Vanderbilt & Baldridge 1978)

-Quan điểm "phương châm hội thoại" (Lakoff 1989, Leech 1983, Edmondson 1981 và Kasher 1986)

-Quan điểm "coi trọng thể diện" (Brown và Levinson 1987)

-Quan điểm "hợp đồng hội thoại" (Fraser 1990)

Trong bài viết này, tác giả chỉ đi vào phân tích phép lịch sự theo nghĩa hẹp, tức là phép lịch sự ngôn ngữ. Vấn đề này có liên quan đến khái niệm thể diện (faces) mà G. Yule (1997) đã đề cập trong cuốn Pragmatics.

1. GIỚI THIỆU

Tương tác ngôn ngữ là một loại tương tác mang tính xã hội. Bởi vì phần lớn những gì ta nói và ta giao tiếp được xác định bởi các quan hệ xã hội. Muốn hiểu được người ta nói gì trong một cuộc tương tác, chúng ta phải quan tâm đến những sự kiện khác nhau có liên quan đến địa vị xã hội gần gũi hay xa cách (thân mật hay trang trọng). Trước khi giao tiếp chúng ta cần phải xác lập các quan hệ đó. Đó là những sự kiện ngoại tại. Những sự kiện này bao gồm cả địa vị tương đối của những nhân vật giao tiếp, dựa trên một số giá trị xã hội bị ràng buộc bởi tiêu chí tuổi tác và quyền lực. Chẳng hạn, một người tự thấy rằng địa vị xã hội của mình thấp hơn người đối thoại (trong tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh) thì anh ta có khuynh hướng đánh dấu khoảng cách xã hội giữa anh ta với người có địa vị xã hội cao hơn bằng cách dùng kiểu xưng hô DANH XÚNG +

HO chứ không phải dùng TÊN RIÊNG (ví dụ anh ta chỉ nói : Mrs Clinton, Mr Adams, Dr Đặng.....). Như vậy, chúng ta luôn tham gia vào phạm vi rộng lớn những cuộc tương tác xã hội (phần lớn là với những người không quen), trong đó địa vị xã hội cách biệt được xác lập bởi những sự kiện ngoại tại là chiếm ưu thế.

Ngược lại, sự kiện nội tại là những sự kiện mà các thoại viên thương lượng với nhau trong suốt cuộc thoại, ví dụ sự kiện về mức độ thân mật. Sự kiện nội tại làm cho khoảng cách biệt xã hội lúc đầu sẽ thay đổi dần và được đánh dấu ít nhiều trong suốt chiều hướng tiến triển của cuộc thoại. Chính vì thế các thoại viên có thể chuyển dịch từ cách dùng DANH XÚNG + HO đến cách dùng TÊN RIÊNG để xưng hô và làm nền trong khuôn khổ một cuộc trò chuyện nhất định. Những sự kiện nội tại này càng bộc lộ rõ ở những cuộc thoại mà trong đó các thoại viên mới chỉ đang thăm dò và tìm tòi địa vị của nhau.

Hai loại sự kiện nội tại và ngoại tại này không phải chỉ ảnh hưởng đến những gì ta nói mà còn ảnh hưởng đến những gì ta hiểu. Nhiều khi sự hiểu của ta đi quá xa những gì mà người ta định nói.

Cho nên chúng ta có thể đánh giá cách cư xử của người khác là thô dung hay là lịch sự, thiếu thận trọng hay là chín chắn. Như vậy rõ ràng là cái được giao tiếp có chứa nhiều điều hơn là cái được nói ra. Nghiên cứu phép lịch sự chính là nghiên cứu những cái được giao tiếp.

Theo George Yule (1997), phép lịch sự là một khái niệm phức hợp vừa là kiểu "hành vi xã hội lịch thiệp" vừa là "nghĩ thức" như trong lĩnh vực văn hóa. Phép lịch sự bao gồm sự lịch thiệp (khéo xử), sự rộng lượng (hào hiệp, cao thượng), sự khiêm tốn, sự thiện cảm, lòng vị tha.

Theo Đỗ Hữu Châu (1996), phép lịch sự là một hiện tượng ngôn ngữ hằng tại (pertinent). Khái niệm lịch sự được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tất cả những phương diện của diễn ngôn bị chi phối bởi những quy tắc mà những quy tắc đó có chức năng giữ gìn tính chất hài hòa của quan hệ liên cá nhân. Theo nghĩa hẹp, chúng ta chỉ bàn đến phép lịch sự ngôn ngữ.

Theo Fraser (1990), cần phải phân biệt 4 quan điểm về phép lịch sự :

-Quan điểm "chuẩn mực xã hội" (Vanderbilt & Baldridge 1978)

-Quan điểm "phương châm hội thoại" (Lakoff 1989, Leech 1983, Edmondson 1981 và Kasher 1986)

-Quan điểm "coi trọng thể diện" (Brown & Levinson 1987)

-Quan điểm "hợp đồng hội thoại" (Fraser, 1990)

Để rõ hơn, G. Yule (1997) đã đề cập đến một loại phép lịch sự đặc thù hoạt

động trong khuôn khổ giao tiếp trong phạm vi hẹp, mà ông gọi đó là thể diện (khái niệm này Yule đã lấy từ quan điểm của Brown & Levinson 1987).

2. Khái niệm thể diện

Thể diện là danh dự công khai của một con người. Thể diện có liên quan tới sĩ diện của bản thân mà mỗi người đều có và muốn được người khác thừa nhận.

Đến đây có thể định nghĩa phép lịch sự trong giao tiếp là phương diện mà người ta sử dụng để biểu thị sự thừa nhận về thể diện người khác.

Như vậy, phép lịch sự có thể được thể hiện trong hai tình huống : hoặc là chệnh lệch về địa vị xã hội hoặc là gần gũi, thân mật. Chúng ta thường dùng sự kính trọng hoặc tôn trọng để biểu thị sự nhận biết về thể diện của một người gần gũi, thân thuộc thì ta bày tỏ sự nhận biết bằng lời nói thân tình, bè bạn, đoàn kết nhất trí

Trường hợp thứ nhất, ví dụ những câu hỏi của sinh viên hỏi thầy cô giáo như trong [1a], còn trường hợp thứ hai có thể thấy ở những câu hỏi thân mật giữa bạn bè với nhau, như trong [1b].

[1] a. *Em xin lỗi thầy, em có thể nói chuyện với thầy một lát không ạ ?*

b. *Ê, nè Minh, tớ nói chuyện này đã, có được không nào ?*

Trong phần lớn ngữ cảnh giao tiếp bằng tiếng Việt hay tiếng Anh, những thoại viên khi nói năng cần phải xác định cho địa vị xã hội tương đối của nhau.

3. Nhu cầu giữ thể diện

Trong giao tiếp đời thường, người ta cư xử với nhau với lòng mong muốn người khác đừng chạm tự ái, nói cách khác họ mong muốn được đáp ứng nhu cầu giữ thể diện (cho mình và cho người khác). Khái niệm thể diện mượn từ thuật ngữ "Face" của E. Goffman (1967) được mở rộng để

bao hàm cả khái niệm lãnh địa. Brown & Levinson (1987) đã phân biệt hai loại hành vi liên quan đến thể diện : (I) hành vi FTA và (ii) hành vi FSA.

FTA (Face Thrcating Act) là hành vi xúc phạm thể diện. Đây là hành vi nói năng của người nói đe dọa hay xúc phạm tới tự ái cá nhân của người nghe. Còn FSA (Face Saving Act) là hành vi tôn trọng thể diện. Để tránh xúc phạm thể diện người nghe, người ta có thể làm giảm thiểu sự xúc phạm của mình bằng FSA.

Ta tạm hình dung một tình huống : về khuya, một anh hàng xóm trẻ tuổi đang chơi nhạc rất to, rất ồn trong lúc đó thì hai vợ chồng già bên cạnh đang cố võ giấc ngủ. Một người thì định thực hiện một hành vi xúc phạm thể diện (FTA), còn một người thì định thực hiện một hành vi tôn trọng thể diện (FSA).

[2] Ông cụ : *Tôi định nói với hấn là hãy chấm dứt cái tiếng ồn quá quỉ kia ngay tức khắc đi*

Bà cụ : *Có lẽ ông chỉ nên yêu cầu anh ta xem liệu anh ta có định đi nghỉ sớm không, bởi vì trời cũng đã hơi khuya rồi và ai cũng cần phải đi ngủ cả.*

Nói chung, bất cứ ai cũng đều cố gắng tôn trọng nhu cầu thể diện của người khác và có rất nhiều cách thức khác nhau để thực hiện FSA.

4. Thể diện tích cực và thể diện tiêu cực

Theo Brown & Levinson (1987), mỗi con người đều có hai thể diện :

- Thể diện tích cực : Tương ứng với "sĩ diện", với tổng thể những hình ảnh tự đánh giá cao về mình mà người nói và người nghe xây dựng nên và muốn áp đặt trong hội thoại.

- Thể diện tiêu cực : Là lãnh địa của cái tôi.

Theo G. Yule (1997), thể diện tiêu cực là quyền được độc lập, quyền tự do trong hành động của mình, quyền không bị người khác quấy rầy, lạm dụng. Từ "tiêu cực" ở đây không có nghĩa là "xấu", nó chỉ đơn thuần là sự tương phản với từ "tích cực", dương tính. Thể diện tích cực là quyền được người khác thừa nhận, được người khác ưa thích, quyền được đối xử như những thành viên khác trong nhóm và quyền được biết nhu cầu của mình có được chia sẻ hay không.

Nói một cách đơn giản, thể diện tiêu cực là nhu cầu được độc lập, còn thể diện tích cực là nhu cầu được giao kết.

Trong diễn tiến của hội thoại, các hành vi ngôn ngữ tiềm ẩn sự xúc phạm đến thể diện (của người nói và người nghe).

a. Tặng, hứa hẹn : hành vi xúc phạm thể diện tiêu cực của người nói.

b. Xin lỗi, thanh minh : Hành vi xúc phạm thể diện tích cực của người nói

c. Ra lệnh, khuyên bảo, hỏi tù mò.....: Hành vi xúc phạm thể diện tiêu cực của người nghe

d. Phê phán, từ chối, trách móc, chửi, chế diễu : hành vi xúc phạm thể diện tích cực của người nghe.

5. Chiến lược lịch sự tích cực và chiến lược lịch sự tiêu cực

Để né tránh hành vi xúc phạm thể diện, người ta thực hiện các hành vi tôn trọng thể diện, trong đó sử dụng các chiến lược lịch sự tích cực và tiêu cực.

5.1 Chiến lược lịch sự tích cực : đòi hỏi người nói phải đưa ra một mục đích chung, cũng có thể nêu lên tình thân thiết.

[3] a. *Cho mình viết tạm cây viết của cậu một lát nhé ?*

b. *Ê này, nếu mày cho tao mượn cây viết một lát thì tao cảm ơn mày lắm*

Công thức nói năng trên biểu thị rằng người nói phải dám liều lĩnh, dám mạo hiểm bởi vì người nghe hoàn toàn có thể từ chối. Những cách nói như vậy có thể đi sau một cuộc thoại dò dẫm, ước m hỏi về người kia nhằm thiết kế tầng nền cho chiến lược này.

[4] *Chào cậu, Sao, thế này ? À mình ngồi đây được chứ nhỉ ? Mình rất khoái nói chuyện với cậu. Trông cậu dạo này sang trọng ghê đấy chứ ! Mà này, cho mình mượn cây viết của cậu một lát đi.*

I.2 Chiến lược lịch sự tiêu cực

Đây là cách nói năng phổ biến để nhằm thực hiện hành vi tôn trọng thể diện. Hình thức phổ biến nhất là câu hỏi có chứa vị từ tình thái, như trong ví dụ [5a].

[5] a. *Anh có thể cho tôi mượn cây bút chứ ?*

b. *Xin lỗi, làm phiền anh quá, nhưng tôi có thể nhờ anh cho mượn cây bút được chứ ạ ?*

c. *Biết là anh đang bận, nhưng cho phép tôi hỏi một chút, không biết.....không biết.....à.....không biết anh có còn thừa cây*

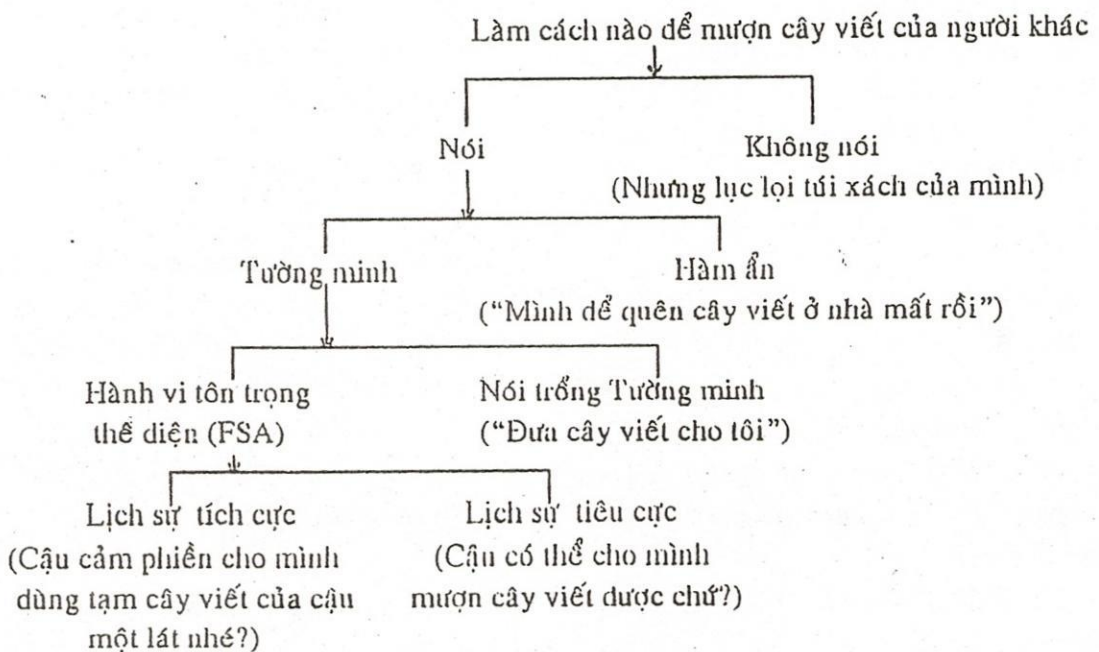
bút nào không để.....anh biết không.....à..... để tôi..... có thể mượn một lát được không ạ ?

Chiến lược lịch sự tiêu cực cũng rất có hiệu lực. Khi ta dùng chức thành ngữ xin lỗi như như trong [5b]

Chiến lược này có sự phát triển tinh tế hơn trong [5c], khi người ta nói ảm ờ, thường là do dự trước khi đi vào yêu cầu chính. Đáng chú ý là phép lịch sự tiêu cực được thực hiện bằng các câu hỏi, thậm chí loại câu hỏi dường như chỉ đề nghị người ta cho phép mình hỏi một câu nào đó (ví dụ : “*cho phép tôi được hỏi.....*”) như trong [5c].

Như vậy, khi lựa chọn một kiểu diễn đạt ít trực tiếp hơn, ít rõ ràng hơn, dài dòng văn tự hơn, với cấu trúc phức tạp hơn, tức là người nói đã hết sức cố gắng nhằm chú ý đến thể diện (cũng tức là chú ý đến phép lịch sự) chứ không phải là nhằm chuyển tải thông tin cơ bản sao cho có hiệu quả.

Nhận xét này của G. Yule (1997) được tóm tắt như sau :



6. Kết luận

Mô phép lịch sự của Brown & Levinson hơi có vẻ bi quan vì xem con người xã hội như là những sinh thể bị bao vây thường xuyên bởi các FTA, luôn luôn ở thể đối phó với chúng

Cần phải điều chỉnh mô hình bằng khái niệm FSA (Hành vi tôn trọng thể diện). Bởi vì con người luôn có những hành vi ngôn ngữ có thể tôn vinh các thể diện của mình và của người khác như : lời khen,

lời cảm ơn.....Cho nên cần phải đưa thêm vào mô hình này khái niệm FSA tích cực. Và như vậy, tập hợp các hành vi ngôn ngữ sẽ được phân chia thành 2 nhóm lớn : nhóm có hiệu quả tiêu cực và nhóm có hiệu quả tích cực.

Những phương tiện biểu thị phép lịch sự tích cực và phép lịch sự tiêu cực sẽ được phân tích cụ thể qua các ngữ liệu lời nói tiếng Việt trong một bài viết khác.

POLITENESS IN LANGUAGE INTERACTION.

Nguyen Van Lap

ABSTRACT : In the past ten years, politeness in communication has become a topic of discussion. Different writers have different views on politeness in general, and politeness in communication in particular. For example :

- Social standards of etiquette (Vanderbuilt and Baldrige, 1978)
- Guides to communication (Lakoff 1989, Leech 1983, Edmosnon, 1981 and Kasher 1986)
- Maintaining your position (Brown and Levinson 1987)
- Contractual dialogue (Fraser 1990)

In this article, the writer only analyses politeness with a strict reference to its use in language. This issue is related to the concept of "saving face" mentioned by G. Yule in 1997 in his book "Pragmatics"

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hữu Châu "Phép lịch sự : Lý thuyết" trong tập đề cương bài giảng ngữ dụng học 1996, (bản Ronéo), trang 3-9.
- [2] Fraser B. "Perspectives on politeness". J. Prag 14. 1990, P. 219 – 316.
- [3] Gabriele Kasper : "Politeness" in R.E.Asher (ed) The Encyclopedia of Language and Linguistics. Volume 6 : Pergamon 1994, P. 3209.
- [4] George Yule : Pragmatics : Oxford U. Press 1997, P. 59 – 69.
- [5] Penelope Brown & Stephen Levinson : Politeness : Cambridge U. Press 1987, P. 281
- [6] Stephen C. Levinson : Pragmatics : Cambridge U. Press 1995, P. 273 – 274.